|  |  |
| --- | --- |
| **TỈNH ỦY QUẢNG NAM**\*Số -BC/TUDự thảo |  **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Quảng Nam, ngày tháng 3 năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011 - 2025)**

-----

Quảng Nam là tỉnh ở khu vực duyên hải Nam Trung bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; diện tích tự nhiên 10.574 km2, dân số trên 1,5 triệu người. Toàn tỉnh có 18 đơn vị hành chính cấp huyện; 241 xã, phường, thị trấn; 1.240 thôn, tổ dân phố; 1.119 tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ); 72.343 đảng viên.

Các cấp ủy đảng đã đoàn kết, nêu cao quyết tâm, tập trung thực hiện các Nghị quyết Đại hội Đảng khóa XI, XII, XIII. Đến nay, Quảng Nam cơ bản trở thành tỉnh khá của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; kinh tế - xã hội đạt được nhiều kết quả quan trọng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tăng cường.

Trong thời gian qua, tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; các thế lực thù địch trong và ngoài nước liên kết chống phá cách mạng Việt Nam với âm mưu “diễn biến hòa bình” trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực tư tưởng - văn hóa; tình trạng tham nhũng, tiêu cực, suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên cấp cao, cán bộ chủ chốt ở một số địa phương đã tác động xấu đến tâm lý xã hội, ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Đối với tỉnh Quảng Nam, tuy đời sống của Nhân dân có nâng lên, song chưa thật sự đồng đều; cơ sở hạ tầng tuy được đầu tư xây dựng nhưng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển; vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thật sự tiên phong, gương mẫu trước Nhân dân; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý một số nơi chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển (nhất là cán bộ cấp cơ sở).

**A. KẾT QUẢ**

**I. Công tác quán triệt, cụ thể hóa Điều lệ, quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng**

***1. Quán triệt***

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đến nay, nhất là sau khi các quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị quán triệt trong cán bộ, lãnh đạo chủ chốt của tỉnh những nội dung cơ bản, những điểm sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ Đảng...; đồng thời, cử báo cáo viên và chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, triển khai trong cán bộ, đảng viên từng đơn vị, địa phương nghiên cứu, học tập đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, thời gian theo kế hoạch đề ra. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy tích cực, chủ động tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch triển khai, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII, XIII của Đảng và các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

**2. Cụ thể hóa, triển khai thực hiện**

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn về thi hành Điều lệ Đảng, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành các nghị quyết, quy định, kết luận[[1]](#footnote-1)…; đồng thời, cụ thể hóa các nội dung vào Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy các nhiệm kỳ 2010 - 2015; 2015 - 2020; 2020 - 2025; chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc phù hợp với các quy định mới của cấp ủy cấp trên.

**II. Kết quả thi hành Điều lệ Đảng**

***1. Phần mở đầu (Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Ðảng)***

Các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên nhận thức đúng đắn về bản chất giai cấp của Đảng; nguyên tắc và những nội dung cơ bản trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; từ đó, nâng cao ý thức, chấp hành đúng, đầy đủ các nội dung Điều lệ Đảng quy định.

***2. Về đảng viên (Chương I)***

*2.1. Kết quả thi hành các quy định về đảng viên*

Công tác phát triển đảng viên là một trong những chỉ tiêu được đưa vào Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh trong các nhiệm kỳ để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa bằng quyết định giao chỉ tiêu kết nạp đảng viên mới hằng năm cho các cấp ủy trực thuộc. Trên cơ sở đó, các cấp ủy chủ động xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên hằng năm. Từ năm 2011 đến ngày 30/3/2024, toàn Đảng bộ kết nạp được 33.151 đảng viên mới, bình quân mỗi năm kết nạp trên 2.500 đảng viên. Chất lượng đảng viên kết nạp được nâng lên đáng kể, nhất là về trình độ chuyên môn *(Biểu mẫu 2, 3, 4)*.

*2.2. Mặt được và hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về đảng viên*

(1) Tiêu chuẩn của đảng viên; điều kiện kết nạp đảng viên được quy định rõ ràng, thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.

(2) Quyền và nhiệm vụ của đảng viên được cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên quan tâm và thực hiện bảo đảm; thông tin thời sự, các nghị quyết, chỉ thị, văn bản mới được triển khai, quán triệt thường xuyên trong các buổi sinh hoạt chi bộ; quyền ứng cử, đề cử và bầu cử, phê bình, chất vấn, trình bày ý kiến, đề xuất, kiến nghị về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên được phát huy. Bên cạnh kết quả đạt được, một số đảng viên chưa phát huy vai trò, trách nhiệm trong việc tham gia ý kiến tại các buổi sinh hoạt chi bộ, đặc biệt là đảng viên trẻ, đảng viên không giữ chức vụ tham gia phát biểu ý kiến còn hạn chế.

(3) Thủ tục, quy trình, thẩm quyền kết nạp đảng viên được thực hiện ngày càng chặt chẽ; tuy nhiên, về quy trình, hồ sơ làm lại đối với trường hợp kết nạp đảng viên không đúng thẩm quyền, thủ tục chưa được hướng dẫn chi tiết.

(4) Thời gian dự bị của đảng viên là 12 tháng theo quy định là phù hợp; tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn lúng túng đối với trường hợp đảng viên trong thời gian dự bị bị xử lý kỷ luật hoặc xếp loại đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ.

(5) Thủ tục, thẩm quyền, quy trình xét, công nhận đảng viên chính thức; xóa tên đảng viên; đưa đảng viên ra khỏi Đảng được quy định cụ thể. Từ năm 2011 đến nay, cấp ủy có thẩm quyền đã công nhận đảng chính thức cho 32.434 đảng viên, xóa tên 2.020 đảng viên, đưa ra khỏi Đảng 720 đảng viên. Trong quá trình rà soát, kiểm tra hồ sơ đảng viên có một số trường hợp cấp ủy cơ sở thực hiện hồ sơ đề nghị công nhận đảng viên chính thức chưa đủ 12 tháng hoặc chưa đủ thủ tục, nhất là chưa có giấy chứng nhận lớp đảng viên mới… nhưng nội dung này chưa được hướng dẫn cụ thể.

(6) Tuổi đảng; việc phát, quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng

- Về tuổi đảng; phát thẻ và quản lý thẻ; thủ tục chuyển sinh hoạt đảng phù hợp với thực tiễn, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Việc quy định quản lý hồ sơ đảng viên tại cấp ủy cơ sở hoặc cấp trên cơ sở như hiện nay là phù hợp. Hiện nay, hồ sơ đảng viên tại Đảng bộ tỉnh Quảng Nam được lưu trữ tại cấp ủy cấp trên cơ sở; cấp ủy cơ sở quản lý hệ thống phiếu chuyển sinh hoạt đảng, các bản kiểm điểm, đánh giá cuối năm. Tuy nhiên, theo quy định, hồ sơ đảng viên và phiếu đảng viên mới được cấp ủy cấp trên trực tiếp cấp ủy cơ sở (cấp huyện) quản lý nhưng phải lưu ở hai nơi khác nhau (không cùng trong 01 bì hồ sơ) là chưa phù hợp và không thuận lợi trong quản lý, khai thác.

(7) Về giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng cho đảng viên tuổi cao, sức yếu: Nội dung quy định hiện nay chưa rõ tiêu chí về “tuổi cao”, “sức khỏe yếu”. Cần quy định cụ thể để tránh trường hợp đảng viên khi đủ tuổi và có quyết định nghỉ hưu thì xin miễn sinh hoạt đảng.

 (8) Về chế độ sinh hoạt đảng của đảng viên: Hầu hết đảng viên đều thực hiện nghiêm chế độ sinh hoạt theo quy định Điều lệ Đảng; tuy nhiên, một số đảng viên trẻ ở nông thôn, đảng viên là công nhân, đảng viên là bộ đội xuất ngũ bỏ sinh hoạt đảng dẫn đến bị xóa tên vẫn còn diễn ra và chậm được khắc phục.

***3. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng (Chương II)***

*3.1. Kết quả thi hành các quy định về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng*

Sau đại hội, các cấp ủy, tổ chức đảng đều xây dựng quy chế làm việc; trong đó, Tỉnh ủy và các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các đảng đoàn, ban cán sự đảng trong tỉnh kịp thời ban hành và điều chỉnh, bổ sung phù hợp, cụ thể hóa các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác; trách nhiệm của tập thể, cá nhân và người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng. Trong quá trình hoạt động, các cấp ủy, tổ chức đảng đã bám sát quy chế làm việc, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy được vai trò của tập thể và trách nhiệm cá nhân, giải quyết tốt mối quan hệ giữa cấp ủy với chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội.

*3.2. Mặt được và hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng*

(1) Về nguyên tắc tập trung dân chủ

- Thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách: Những năm qua, các cấp ủy, tổ chức đảng đã cụ thể hóa nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; xác định chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và của mỗi cá nhân, nhất là đối với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền để thực hiện. Tuy nhiên, việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nhất là việc xác định trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy với lãnh đạo cơ quan, đơn vị có lúc, có nơi còn hạn chế; có nơi lúng túng trong điều hành, chỉ đạo, nhất là khối chính quyền các cấp

- Về trách nhiệm của cấp ủy trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới: Cuối nhiệm kỳ, Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp thực hiện nghiêm việc báo cáo kết quả; đồng thời, kiểm điểm, đánh giá vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực, ủy ban kiểm tra cấp ủy trong triển khai thực hiện nghị quyết đại hội của cấp mình, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tiếp theo phục vụ đại hội cùng cấp của nhiệm kỳ mới, báo cáo cấp ủy cấp trên. Sau đại hội, Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp ban hành nghị quyết, kế hoạch triển khai, định kỳ thông báo tình hình hoạt động của cấp ủy lên cấp ủy cấp trên và các tổ chức đảng trực thuộc.

- Thực hiện nguyên tắc tự phê bình, phê bình trong sinh hoạt Đảng, nhất là tự phê bình, phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ có chuyển biến tích cực. Nội dung tự phê bình, phê bình ở các cấp ủy, tổ chức đảng được thực hiện nghiêm túc, thẳng thắn, chân thành. Qua đó, đã phát huy được ưu điểm, khắc phục những tồn tại, hạn chế của tập thể và của cán bộ, đảng viên, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng.

- Hầu hết các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên chấp hành tốt và có hiệu quả nghị quyết đại hội đảng của cấp trên và cùng cấp, định kỳ hằng năm hoặc đột xuất các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá những mặt làm được, hạn chế, vướng mắc, kịp thời đề ra các giải pháp phù hợp để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ nghị quyết đề ra.

- Nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức được các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên chấp hành và thực hiện nghiêm; tinh thần dân chủ, đoàn kết, thống nhất trong Đảng được tăng cường. Những ý kiến còn khác nhau được tiếp tục đưa ra bàn bạc kỹ, thấu đáo hoặc được bảo lưu và báo cáo cấp trên xem xét, chỉ đạo.

- Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp được chuẩn bị chu đáo, dự thảo nghị quyết được tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tầng lớp trí thức có liên quan. Các ý kiến tham gia, góp ý có tính khả thi đều được xem xét, tiếp thu hoặc giải trình rõ, tạo sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và được tập thể cấp ủy biểu quyết thông qua. Nghị quyết được ban hành đúng với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phù hợp tình hình thực tiễn của đơn vị, địa phương; nhanh chóng đi vào cuộc sống và được triển khai thực hiện thuận lợi.

(2) Về việc lập hệ thống tổ chức của Đảng

 Hệ thống tổ chức của Đảng được lập theo đơn vị hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc đơn vị công tác như hiện nay là phù hợp. Đảng bộ tỉnh hiện có 22 đảng bộ trực thuộc[[2]](#footnote-2) *(Biểu số 6)*.

Hiện nay, việc thành lập tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân còn gặp nhiều khó khăn; cấp ủy các cấp chưa thực sự quan tâm đến việc xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên mới trong các doanh nghiệp tư nhân. Nhiều chương trình, kế hoạch được các địa phương thực hiện nặng về phong trào, chỉ tiêu. Đảng viên trong doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ lệ không cao, hầu hết đảng viên là công nhân lao động, rất ít đảng viên là chuyên gia, đội ngũ cán bộ quản trị, quản lý doanh nghiệp. Vì vậy, rất khó khăn cho công tác vận động thành lập tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân.

(3) Về bầu cử trong Đảng và các nội dung liên quan đến bầu cử

Công tác bầu cử trong Đảng và các nội dung liên quan đến bầu cử được thực hiện đảm bảo theo Quy chế bầu cử trong Đảng[[3]](#footnote-3). Công tác bầu cử trong Đảng được các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc, đúng trình tự, thủ tục. Quy chế bầu cử phát huy tính dân chủ, bảo đảm tính tập trung trong Đảng; nguyên tắc, hình thức bầu cử; quyền hạn, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức liên quan đến bầu cử; việc ứng cử, đề cử, trình tự, thủ tục bầu cử được quy định cụ thể, dễ thực hiện; các nội dung đại biểu nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người được đề cử; thảo luận và biểu quyết thông qua danh sách bầu cử, hình thức bầu cử bằng phiếu kín và cách tính kết quả bầu cử được thực hiện nghiêm túc.

(4) Về đại hội

- Việc quy định số lượng, cơ cấu và tiêu chí phân bổ đại biểu được thực hiện theo Khoản 2, Điều 11 Điều lệ Đảng. Số lượng đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp do cấp ủy cấp triệu tập đại hội quyết định theo quy định của Bộ Chính trị trước khi tiến hành đại hội. Cấp ủy triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng tổ chức đảng trực thuộc, vị trí quan trọng của từng tổ chức đảng như quy định hiện nay là hợp lý.

- Việc chỉ định đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp thực hiện theo Khoản 4, Điều 11. Đối với các đảng bộ, chi bộ đang hoạt động ở ngoài nước; đảng bộ, chi bộ có đa số đảng viên hoạt động phân tán, đang làm nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, hoặc vì thiên tai... không tổ chức đại hội được, nếu cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì cấp ủy triệu tập đại hội được chỉ định một số đại biểu ở các đảng bộ, chi bộ đó phù hợp với tính chất, đặc điểm, số lượng đảng viên ở các đơn vị đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho các chi, đảng bộ trong việc tổ chức đại hội.

- Việc thẩm tra tư cách đại biểu, bác bỏ tư cách đại biểu dự đại hội đảng các cấp thực hiện theo Khoản 5, Điều 11 Điều lệ Đảng như hiện nay là phù hợp.

- Về tiêu chuẩn cấp ủy viên các cấp thực hiện theo Khoản 1, Điều 12 Điều lệ Đảng; số lượng cấp ủy viên của từng cấp và việc đổi mới bảo đảm tính kế thừa và phát triển qua mỗi nhiệm kỳ thực hiện theo Khoản 2, Điều 12 Điều lệ Đảng. Cụ thể, theo Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị, việc quy định số lượng tối đa cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy là nhằm bảo đảm tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số. Nếu đầu nhiệm kỳ, nơi nào chưa chuẩn bị đủ cơ cấu thì tiến hành bầu cử với số lượng ít hơn, số còn lại sẽ bổ sung trong nhiệm kỳ mới, bảo đảm đạt chỉ tiêu cơ cấu theo quy định. Bên cạnh đó, cấp ủy các cấp cần đổi mới không dưới 1/3 tổng số cấp ủy viên mỗi nhiệm kỳ và cần bảo đảm 03 độ tuổi trong cấp ủy. Việc giảm số lượng cấp ủy viên các cấp như nhiệm kỳ 2020 - 2025 là phù hợp. Việc xác định số lượng cấp ủy viên cần có tiêu chí dựa vào quy mô, số lượng đảng bộ, trên cơ sở địa bàn, lĩnh vực để đảm bảo sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương.

- Tại Khoản 3, Điều 12 Điều lệ Đảng: Nhiệm vụ của đoàn chủ tịch tại đại hội và các nội dung liên quan đến bầu cử như hiện nay là phù hợp.

- Hiện nay, việc nhận bàn giao và điều hành công việc của cấp ủy khóa mới; thẩm quyền bổ sung cấp ủy viên thiếu và chỉ định tăng thêm cấp ủy viên; thẩm quyền điều động cấp ủy viên và tỷ lệ cấp ủy viên tối đa được điều động trong tổng số cấp ủy viên do đại hội bầu; thẩm quyền, thủ tục cho cấp ủy viên rút khỏi cấp ủy, cho thôi cấp ủy viên; việc chỉ định cấp ủy viên ở những tổ chức đảng được thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ; việc chỉ định cấp ủy viên đối với tổ chức đảng không thể tổ chức đại hội được... thực hiện theo Điều 13 và Điều 14 Điều lệ Đảng là phù hợp với thực tiễn.

(5) Về tổ chức, hoạt động và mối quan hệ công tác của các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy

Trên cơ sở quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa, ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao. Công tác nghiên cứu, tham mưu, đề xuất ngày càng chủ động, kịp thời, có chiều sâu. Việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ được chú trọng, tăng cường. Công tác phối hợp giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy với các tổ chức đảng, cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng chặt chẽ. Cần có hướng dẫn thống nhất về các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp kinh tế của Đảng.

***4. Về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương***

*4.1. Kết quả thi hành các quy định*

Trên cơ sở quy định tại Điều 18, 19, 20 Điều lệ Đảng, chỉ thị của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, cấp ủy các cấp tổ chức thực hiện theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương. Ban thường vụ cấp ủy các cấp đã tập trung chỉ đạo sâu sát từng nội dung công việc, từ bước chuẩn bị các văn bản và cụ thể hóa các văn bản của cấp ủy cấp trên để thực hiện; tổ chức quán triệt sâu rộng đến cơ sở, tạo sự thống nhất trong cán bộ, đảng viên toàn đảng bộ. Tập trung chỉ đạo xây dựng dự thảo báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm của cấp ủy và một số văn bản khác phục vụ cho đại hội đạt kết quả theo đúng chỉ đạo, định hướng của cấp ủy cấp trên. Công tác chuẩn bị nhân sự (ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư và đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên) được cấp ủy tiến hành đúng nguyên tắc, thủ tục theo quy định của Đảng, Quy chế bầu cử trong Đảng. Chỉ đạo, điều hành đại hội của đoàn chủ tịch đại hội chặt chẽ, phân công điều hành khoa học; chương trình làm việc tại đại hội cụ thể, bố trí thời gian hợp lý, thực hiện đảm bảo các nội dung đại hội theo đúng quy định, hướng dẫn.

Sau đại hội, căn cứ Điều lệ Đảng và các văn bản của Trung ương, cấp ủy các cấp ban hành quy chế làm việc, xây dựng chương trình công tác, chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm sát đúng với tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo các quy định, hướng dẫn của cấp trên; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực, bí thư, phó bí thư cấp ủy được quy định cụ thể trong quy chế làm việc; các cơ quan, đơn vị kịp thời rà soát, tham mưu cấp ủy ban hành quy chế làm việc (sửa đổi, bổ sung), điều chỉnh chương trình làm việc đảm bảo các quy định, kế hoạch của cấp trên; ban hành mới và sửa đổi, bổ sung nhiều nghị quyết, quy định, quy chế để lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực. Đã kịp thời phân công các đồng chí ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên phụ trách các ngành, lĩnh vực, địa bàn, tổ chức chính trị - xã hội. Duy trì sinh hoạt cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy đúng theo chương trình, kế hoạch, quy chế đề ra *(Biểu mẫu số 09,10)*.

*4.2. Đánh giá những mặt được và hạn chế, khó khăn, vướng mắc*

(1) Về đại hội đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện như hiện nay là phù hợp và thuận lợi trong quá trình thực hiện.

(2) Về nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực, bí thư, phó bí thư tỉnh ủy được quy định chặt chẽ; tuy nhiên, hiện nay chưa có quy chế làm việc mẫu đối với cấp ủy cấp huyện, cấp xã nên việc cụ thể hóa, xây dựng quy chế làm việc chưa đồng bộ, thống nhất.

***5. Về TCCSĐ***

*5.1. Kết quả thi hành các quy định*

Việc thành lập, củng cố, kiện toàn, chia tách, sáp nhập các TCCSĐ được thực hiện bảo đảm quy định. Nhìn chung, các TCCSĐ trên địa bàn tỉnh phát huy vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao, là nền tảng của Đảng, là vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở; thực hiện tốt công tác lãnh, chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương *(Biểu mẫu số 06)*.

*5.2. Những mặt được và hạn chế, khó khăn, vướng mắc*

(1) Vị trí, vai trò của TCCSĐ: Hầu hết các TCCSĐ nhận thức đúng, thực hiện tốt hơn chức năng là hạt nhân chính trị ở cơ sở; quán triệt sâu sắc quan điểm “lãnh đạo phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt”, gắn xây dựng, củng cố tổ chức đảng với đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tuy nhiên, một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhận thức và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của TCCSĐ, nhất là trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ; chưa có giải pháp tích cực để nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo công tác tư tưởng và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở.

(2) Về các nhiệm vụ của TCCSĐ

Lãnh đạo các lĩnh vực của đời sống xã hội ở cơ sở, như: Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, quốc phòng, an ninh… bảo đảm cho các hoạt động của các tổ chức, bảo đảm cho mọi lĩnh vực của đời sống xã hội ở cơ sở diễn ra theo đúng định hướng của Đảng. TCCSĐ là trung tâm đoàn kết, quy tụ, tập hợp mọi lực lượng ở cơ sở thành một khối thống nhất ý chí và hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của cơ sở, góp phần thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. TCCSĐ còn là nơi giáo dục, tổ chức, động viên Nhân dân thực hiện có hiệu quả Cương lĩnh, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

(3) Về đại hội cấp cơ sở

- Nhiệm kỳ của TCCSĐ 05 năm là phù hợp. Nội dung đại hội quy định trong các chỉ thị của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương là phù hợp.

(4) Về số lượng cấp ủy viên của đảng bộ cơ sở; (5) Số lượng đảng viên tối thiểu để lập đảng bộ cơ sở; (6) Lập cơ cấu tổ chức ở các tổ chức đảng có đặc điểm khác nhau; (7) Về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của đảng bộ bộ phận; (8) Về chế độ sinh hoạt của chi ủy, chi bộ, đảng ủy, đảng bộ cơ sở; (9) về hình thức sinh hoạt chi bộ, nhất là ở các chi bộ có đông đảng viên, có đảng viên hoạt động phân tán… quy định trong Điều lệ Đảng vẫn còn phù hợp, không có khó khăn, vướng mắc trong thi hành.

(10) Về nhiệm kỳ đại hội của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở

Theo quy định của Điều lệ Đảng, đại hội chi bộ trực thuộc 05 năm hai lần. Trong thực hiện nhiệm kỳ đại hội của chi bộ trực thuộc nhiều nơi chưa thống nhất. Đề nghị nhiệm kỳ đại hội của chi bộ trực thuộc là 05 năm một lần cho phù hợp với quy định của nhiệm kỳ trưởng thôn (05 năm).

(11) Về ủy quyền cho đảng ủy cơ sở được quyết định kết nạp, khai trừ đảng viên như quy định hiện nay là phù hợp.

***6. Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam***

*6.1. Kết quả thi hành các quy định*

Hệ thống tổ chức đảng trong Quân đội và Công an được củng cố, kiện toàn. Đảng bộ tỉnh Quảng Nam có 01 đảng bộ Quân sự với 06 TCCSĐ trực thuộc; 01 đảng bộ Công an với 30 TCCSĐ trực thuộc; 01 đảng bộ Bộ đội Biên phòng với 21 TCCSĐ trực thuộc; 18 TCCSĐ công an và 18 TCCSĐ quân sự cấp huyện trực thuộc huyện, thị, thành ủy. Các huyện, thị, thành ủy đã thành lập 241 chi bộ công an; 241 chi bộ quân sự cấp xã.

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân thực hiện theo các quy định tại các Điều 25, 26, 27, 28, 29 Chương VI, Điều lệ Đảng cơ bản thuận lợi, phù hợp với tính đặc thù của công tác xây dựng Đảng ở các đảng bộ này. Điều lệ Đảng đã quy định cơ chế lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với Quân đội và Công an. Vị trí hạt nhân chính trị và vai trò lãnh đạo của TCCSĐ trong các lực lượng vũ trang được thể hiện rõ nét, bảo đảm cơ chế Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang.

- Cụ thể hóa Điều lệ Đảng về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 59-QĐ/TW, ngày 22/12/2016 về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam (hiện nay là Quy định số 49-QĐ/TW, ngày 22/12/2021); Quy định số 72-QĐ/TW, ngày 24/02/2017 về tổ chức đảng trong Công an nhân dân Việt Nam (nay thực hiện theo Quy định số 192-QĐ/TW, ngày 18/5/2019):

+ Đối với cấp tỉnh: Đã cơ cấu đồng chí Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy; cơ cấu Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; đồng chí Bí thư Tỉnh ủy là Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh.

+ Đối với cấp huyện: Cơ cấu đồng chí chỉ huy trưởng cơ quan quân sự huyện, thị xã, thành phố; trưởng công an huyện, thị xã, thành phố tham gia ban thường vụ huyện, thị, thành ủy; đồng chí chính trị viên tham gia ban chấp hành đảng bộ huyện, thị xã, thành phố. Cơ cấu đồng chí bí thư huyện, thị, thành ủy, đồng chí chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố tham gia sinh hoạt tại đảng bộ quân sự và đồng chí bí thư huyện, thị, thành ủy giữ chức bí thư đảng ủy quân sự huyện, thị xã, thành phố.

*6.2. Những mặt được và hạn chế, khó khăn, vướng mắc*

Nhìn chung, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, trực tiếp của Tỉnh ủy về nhiệm vụ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, quân sự trong toàn tỉnh, các đảng bộ: Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và Bộ đội Biên phòng tỉnh đã kịp thời đề ra các chủ trương, biện pháp xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức cán bộ; tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; phối hợp tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân thực hiện theo các quy định của Điều lệ Đảng là thuận lợi, phù hợp với đặc thù công tác xây dựng Đảng ở các đảng bộ hiện nay, đảm bảo cơ chế Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Quy định số 49-QĐ/TW của Bộ Chính trị về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam thì có vướng mắc trong triển khai thực hiện nội dung “đồng thời” được nêu tại Khoản 2, Mục II, phần Đ “Trường hợp cán bộ từ đảng bộ khác được luân chuyển, điều động, bổ nhiệm làm cán bộ chủ trì ban chỉ huy quân sự huyện thì ban thường vụ huyện ủy kịp thời chỉ định, kiện toàn đảng ủy quân sự huyện; đồng thời, thực hiện quy trình đề nghị ban thường vụ tỉnh ủy chỉ định bổ sung các đồng chí giữ chức vụ được cơ cấu tham gia huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy”. Nội dung này chưa thống nhất với quy định công tác cán bộ về nguồn nhân sự tại chỗ và nơi khác, cần được hướng dẫn cụ thể về trách nhiệm phối hợp giữa đảng ủy quân sự (quân khu) với cấp ủy địa phương.

Hiện nay, 241/241 xã, thị trấn đã thành lập chi bộ công an xã, chi bộ thuộc quản lý của đảng ủy cơ sở nhưng về chuyên môn, nghiệp vụ, con người thuộc quản lý của ngành cấp trên; do đó, trong quá trình phối hợp thực hiện đôi lúc, đôi nơi chưa đồng bộ. Theo Quy định số 192-QĐ/TW của Bộ Chính trị về tổ chức đảng trong Công an nhân dân thì đồng chí bí thư chi bộ công an xã, thị trấn cơ cấu vào ban thường vụ đảng ủy; tuy nhiên, đến nay việc thực hiện còn gặp khó khăn.

***7. Về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp (Chương VII)***

*7.1. Kết quả thi hành các quy định*

7.1.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng theo Điều 30, Điều lệ Đảng

*- Giám sát thường xuyên*

Ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy các cấp thông qua các báo cáo hằng tháng và các hội nghị hằng quý, hội nghị chuyên đề để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng cấp dưới; phân công các đồng chí trong ban thường vụ, cấp ủy viên phụ trách địa bàn theo dõi, nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đảng, đảng viên cấp dưới, giải quyết những vướng mắc, góp ý, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót.

Đối với cấp ủy, chi bộ đã phân công cấp ủy viên phụ trách tiến hành giám sát thường xuyên đảng viên của chi bộ trong việc chấp hành chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống; quy định những điều đảng viên không được làm và việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Qua công tác giám sát, tại các cuộc họp chi bộ, chi ủy đã góp ý, nhắc nhở những đảng viên có khuyết điểm, hạn chế để có biện pháp khắc phục.

*- Kiểm tra, giám sát chuyên đề*

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã kiểm tra 8.372 lượt tổ chức đảng và 20.403 lượt đảng viên, giám sát chuyên đề 6.416 lượt tổ chức đảng và 12.529 lượt đảng viên. Trong đó, Tỉnh ủy kiểm tra 111 tổ chức đảng và 131 đảng viên; Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra 09 tổ chức đảng, 12 đảng viên; Tỉnh ủy giám sát 85 lượt tổ chức đảng và 98 lượt đảng viên.

Qua kiểm tra, giám sát đã chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm để khắc phục và xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; đồng thời, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh những chủ trương, chính sách chưa phù hợp, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở, góp phần giúp cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ, nâng cao chất lượng công tác xây dựng đảng, xây dựng chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể, chất lượng tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

7.1.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn

*- Tham mưu cấp ủy thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát:* Đầu nhiệm kỳ, các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy các cấp, ban cán sự đảng, đảng đoàn đã phối hợp với Ủy ban kiểm tra (UBKT) cấp ủy cùng cấp xây dựng, tham mưu cấp ủy ban hành chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa. Hằng năm, căn cứ lĩnh vực phụ trách và tình hình thực tế, các cơ quan đề xuất nội dung, đối tượng, thời gian kiểm tra, giám sát để UBKT cấp ủy tham mưu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy ban hành chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát từng năm.

*- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều 30 Điều lệ Đảng:* Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát theo lĩnh vực phụ trách và tổ chức kiểm tra 790 lượt tổ chức đảng, 189 lượt đảng viên, giám sát 720 lượt tổ chức đảng, 214 lượt đảng viên trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; qua kiểm tra, giám sát, góp ý, hướng dẫn tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên khắc phục những hạn chế trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

7.1.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của UBKT cấp ủy các cấp theo Điều 32, Điều lệ Đảng

*- Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm*

UBKT cấp ủy các cấp kiểm tra 1.250 tổ chức đảng và 3.757 đảng viên; trong đó, UBKT Tỉnh ủy kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với 45 tổ chức đảng và 159 đảng viên.

Qua kiểm tra, kết luận 901 tổ chức đảng và 3.357 đảng viên có vi phạm; trong đó, có 75 tổ chức đảng và 1.355 đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, số còn lại đã yêu cầu nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm. UBKT Tỉnh ủy kiểm tra, phát hiện số tiền 150 tỷ đồng thực hiện không đúng quy định, đã kiến nghị các tổ chức, cá nhân liên quan thu hồi, chấn chỉnh và khắc phục hậu quả; đồng thời, xử lý kỷ luật 05 tổ chức đảng, 27 đảng viên vi phạm, đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật 05 tổ chức đảng và 01 đảng viên; chuyển hồ sơ 02 vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự sang cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh điều tra, làm rõ.

*- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng*

UBKT cấp ủy các cấp kiểm tra 8.272 lượt tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và 4.013 lượt tổ chức đảng về thi hành kỷ luật trong Đảng; trong đó, UBKT Tỉnh ủy kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng đối với 94 tổ chức đảng.

Qua kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng giúp cấp ủy, UBKT cấp ủy nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; chấn chỉnh, yêu cầu khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức đảng thi hành kỷ luật đảng viên chưa tương xứng nội dung, tính chất, mức độ vi phạm, chưa đảm bảo quy trình, thủ tục. UBKT cấp ủy các cấp đã kiến nghị tăng hình thức kỷ luật 03 đảng viên, giảm hình thức kỷ luật 01 đảng viên, xóa hình thức kỷ luật 01 đảng viên. Trong đó, UBKT Tỉnh ủy phát hiện 01 trường hợp đảng viên vi phạm nhưng tổ chức đảng cấp dưới không xử lý kỷ luật, UBKT Tỉnh ủy đã quyết định xử lý kỷ luật theo thẩm quyền; 01 trường hợp tổ chức đảng cấp dưới thi hành kỷ luật chưa đúng với nội dung, tính chất, mức độ vi phạm, UBKT Tỉnh ủy đã quyết định thay đổi hình thức kỷ luật khai trừ bằng hình thức cảnh cáo.

*- Công tác giám sát*

+ Giám sát thường xuyên: UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy các cấp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên UBKT, cán bộ, kiểm tra viên chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát địa bàn, lĩnh vực; tập trung giám sát tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực. Bên cạnh đó, thành viên UBKT, cán bộ, kiểm tra viên nắm tình hình, báo cáo UBKT cấp ủy chỉ đạo giải quyết hoặc thông báo, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề mới phát sinh.

+ Giám sát chuyên đề: UBKT cấp ủy các cấp giám sát chuyên đề 5.916 lượt tổ chức đảng cấp dưới và 6.776 lượt đảng viên; trong đó, UBKT Tỉnh ủy giám sát 59 tổ chức đảng và 22 đảng viên.

UBKT cấp ủy các cấp giám sát chuyên đề 1.904 lượt tổ chức đảng và 2.172 lượt đảng viên (so với nhiệm kỳ 2005 - 2010: Giám sát tổ chức đảng tăng 291%; giám sát đảng viên tăng 649%); trong đó, UBKT Tỉnh ủy giám sát 29 tổ chức đảng và 69 đảng viên.

Qua giám sát, UBKT cấp ủy các cấp đã phát huy ưu điểm; kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh, chỉ đạo tổ chức đảng, đảng viên được giám sát khắc phục hạn chế, khuyết điểm, ngăn chặn vi phạm. Đồng thời, phát hiện chuyển kiểm tra dấu hiệu vi phạm 09 tổ chức đảng, 29 đảng viên (UBKT Tỉnh ủy chuyển kiểm tra dấu hiệu vi phạm 02 tổ chức đảng, 06 đảng viên).

*- Kiểm tra tài chính Đảng:* UBKT cấp ủy các cấp kiểm tra 1.361 lượt tổ chức đảng về thu, chi ngân sách; kiểm tra 7.930 lượt tổ chức đảng, đảng viên về thu nộp, sử dụng đảng phí. Trong đó, UBKT Tỉnh ủy kiểm tra 34 tổ chức đảng về thu, chi ngân sách; 02 lượt kiểm tra tài chính cơ quan cấp ủy cùng cấp đối với Văn phòng Tỉnh ủy.

Qua kiểm tra, kết luận có 08 tổ chức đảng vi phạm về chi ngân sách và 17 tổ chức đảng vi phạm về thu, nộp, quản lý, sử dụng đảng phí với tổng số tiền vi phạm gần 05 tỷ đồng; UBKT cấp ủy các cấp đã chỉ đạo thu hồi ngân sách nhà nước hơn 800 triệu đồng, giao đơn vị xem xét, xử lý (kiểm điểm, chấn chỉnh, rút kinh nghiệm) đối với số tiền gần 4,2 tỷ đồng.

*- Giải quyết đơn tố cáo:* UBKT cấp ủy các cấp tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền 05 đơn tố cáo tổ chức đảng và 334 đơn tố cáo đảng viên. Trong đó, UBKT Tỉnh ủy giải quyết 13 đơn tố cáo đảng viên.

Kết quả giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng, 03 đơn không có cơ sở kết luận, 01 đơn tố cáo sai, 01 trường hợp tố cáo đúng và đúng một phần nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật; đối với tố cáo đảng viên, có 176 trường hợp tố cáo đúng và đúng một phần (trong đó, 135 trường hợp tố cáo đúng có vi phạm, phải thi hành kỷ luật 57 đảng viên); 91 tố cáo sai; 67 tố cáo chưa có cơ sở kết luận.

*7.2. Những mặt được và hạn chế, khó khăn trong công tác kiểm tra, giám sát*

(1) Việc thực hiện quy định tổ chức đảng phải tiến hành kiểm tra, giám sát; tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng

Các cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT cấp ủy các cấp nhận thức được công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ của toàn Đảng, của mọi tổ chức đảng và đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng, mỗi tổ chức đảng và đảng viên đều phải thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng. Trên cơ sở đó, các cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT cấp ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng quy định. Quá trình kiểm tra, giám sát cơ bản đảm bảo quy trình, nguyên tắc, thủ tục; kết luận kiểm tra, thông báo kết quả giám sát xác định rõ ưu, khuyết điểm, hạn chế, yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra, giám sát khắc phục; đồng thời, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

Một số cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn nhận thức đúng về vị trí, vai trò, mục đích, ý nghĩa của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đã phát huy tinh thần trách nhiệm, tích cực phối hợp với UBKT cấp ủy trong việc tham mưu cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Đồng thời, chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chấp hành và nhiệm vụ giám sát thuộc phạm vi được phân công phụ trách.

Một số tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra, tổ chức đảng, đảng viên có liên quan chấp hành tốt quyết định kiểm tra, giám sát; phát huy tinh thần tự giác, tự phê bình và phê bình; phối hợp, thực hiện đầy đủ các yêu cầu của đoàn (tổ kiểm tra).

Tuy nhiên, một số cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy các cấp chủ yếu thực hiện chức năng tham mưu cấp ủy, ít thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; một số tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra, giám sát chưa thực hiện tốt nguyên tắc tự phê bình và phê bình, chấp hành không nghiêm quyết định, kế hoạch kiểm tra, thậm chí tìm cách đối phó, cản trở, bao che cho đối tượng kiểm tra, giám sát.

(2) Cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát

Cấp ủy, người đứng đầu cơ bản nhận thức rõ trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ; từ đó, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, trực tiếp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; tạo điều kiện thuận lợi cho UBKT cấp ủy cùng cấp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, nhất là trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, kiểm tra tài chính đảng cấp ủy cùng cấp, giải quyết tố cáo, thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm.

Tuy nhiên, có cấp ủy huyện và cơ sở, nhất là người đứng đầu cấp ủy nhận thức không đúng, không đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát; từ đó, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thiếu quyết liệt, có nơi còn khoán trắng cho UBKT cấp ủy; có cấp ủy chưa tạo điều kiện thuận lợi cho UBKT cấp ủy hoạt động, chưa kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan UBKT cấp ủy và chưa bố trí cán bộ kiểm tra đủ số lượng, đảm bảo chất lượng.

(3) Chế độ làm việc của UBKT cấp ủy các cấp

UBKT cấp ủy các cấp thực hiện tốt quy chế làm việc, duy trì tốt các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo quy chế, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy được vai trò của tập thể và trách nhiệm cá nhân; các cuộc kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đều bàn bạc, thảo luận dân chủ, kết luận theo đa số, việc quyết định hoặc đề nghị thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên được biểu quyết bằng phiếu kín theo đúng quy định. Các thành viên UBKT Tỉnh ủy phát huy tinh thần trách nhiệm, tận tụy, giữ vững bản lĩnh, đạo đức nghề nghiệp trong thực thi nhiệm vụ.

UBKT cấp ủy các cấp cơ bản chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp, sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của UBKT cấp ủy cấp trên. Định kỳ, hằng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm, UBKT cấp ủy báo cáo ban thường vụ cấp ủy, UBKT cấp trên về tình hình công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng.

Tuy nhiên, có UBKT cấp ủy chậm tham mưu cấp ủy sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của UBKT cấp ủy, chưa thực hiện tốt chế độ sinh hoạt theo quy chế; tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh của một số cán bộ kiểm tra chưa cao, còn nể nang, ngại va chạm; có cơ quan UBKT cấp ủy cấp trên chưa kịp thời theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn UBKT cấp ủy cấp dưới trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Có nơi UBKT cấp ủy cấp dưới chưa kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của UBKT cấp ủy cấp trên về tình hình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thậm chí có trường hợp cố tình che giấu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên cấp mình.

(4) Về nhiệm vụ, thẩm quyền của UBKT cấp ủy các cấp

UBKT cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện và tương đương cơ bản thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, triển khai thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm.

Cán bộ kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương bản lĩnh chính trị vững vàng, đa số có trình độ chuyên môn và kỹ năng, nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, có tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

Năng lực, trình độ, kinh nghiệm của một số cán bộ kiểm tra còn hạn chế, nhất là cán bộ kiểm tra cấp huyện và cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nên gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.

UBKT cấp ủy cấp cơ sở không có cán bộ kiểm tra chuyên trách, hầu hết kiêm nhiệm và hạn chế về chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ nên chưa phát huy hết chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

***8. Về khen thưởng, kỷ luật***

*8.1. Kết quả thi hành các quy định về khen thưởng, kỷ luật*

(1) Công tác thi đua, khen thưởng trong Đảng thời gian qua có nhiều đổi mới, thông qua các chính sách, hình thức khen thưởng và việc tổ chức thực hiện. Chất lượng công tác thi đua, khen thưởng được chú trọng hơn trước, khắc phục một bước tình trạng khen thưởng nặng về hình thức… Nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên về công tác thi đua, khen thưởng của Đảng ngày càng nâng cao, tuân thủ các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Việc tổ chức trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được tổ chức trang trọng, tiết kiệm, đúng quy định, có tác dụng động viên, khích lệ kịp thời, được dư luận xã hội đồng tình. Qua đó, nâng cao nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên về công tác thi đua, khen thưởng của Đảng, nâng cao ý thức tuân thủ các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

(2) Về kỷ luật trong Đảng

*- Thi hành kỷ luật tổ chức đảng*

Cấp ủy, UBKT cấp ủy các cấp đã xử lý kỷ luật 89 tổ chức đảng vi phạm (63 khiển trách, 26 cảnh cáo); trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xử lý kỷ luật 06 tổ chức đảng, UBKT Tỉnh ủy kỷ luật 05 tổ chức đảng.

Nội dung vi phạm của tổ chức đảng: Nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng (40,7%); chính sách, pháp luật của Nhà nước (32,2%); quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ (25,4%); công tác cán bộ (1,7%).

*- Thi hành kỷ luật đảng viên*

Cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT cấp ủy các cấp kỷ luật 4.026 đảng viên vi phạm với các hình thức: Khiển trách: 2.770; cảnh cáo: 850; cách chức: 116; khai trừ: 296. Trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xử lý kỷ luật 08 đảng viên, UBKT Tỉnh ủy kỷ luật 45 đảng viên.

Nội dung vi phạm của đảng viên: Chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình (42%); những điều đảng viên không được làm (14%); phẩm chất đạo đức, lối sống (9%); thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, quản lý (9%); nguyên tắc tập trung dân chủ (7%); quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản (3%); tài chính, ngân hàng, đầu tư xây dựng cơ bản (3%); tham nhũng, cố ý làm trái (2%); đoàn kết nội bộ (1%); các vi phạm khác (10%).

Việc xem xét, thi hành kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm được các cấp ủy, chi bộ, UBKT cấp ủy các cấp thực hiện cơ bản đảm bảo phương hướng, phương châm, nguyên tắc, quy trình, thủ tục, công minh, chính xác, kịp thời; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, răn đe, cảnh tỉnh, giáo dục đảng viên, giúp tổ chức đảng và đảng viên nhận thấy khuyết điểm, vi phạm để khắc phục, sửa chữa, ngăn ngừa tham nhũng, lãng phí, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; thực hiện tốt công tác tư tưởng, đa số đảng viên bị kỷ luật chấp hành quyết định của cấp có thẩm quyền; xử lý đồng bộ kỷ luật của Đảng với kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể.

*- Kết quả giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng*

Cấp ủy, UBKT cấp ủy các cấp giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của 64 đảng viên; trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giải quyết 04 trường hợp, UBKT Tỉnh ủy giải quyết 05 trường hợp.

Kết quả giải quyết giữ nguyên hình thức kỷ luật đối với 27 trường hợp, giảm hình thức kỷ luật 32 trường hợp, xóa hình thức kỷ luật 05 trường hợp.

Công tác giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thực hiện cơ bản đảm bảo nguyên tắc, quy trình, khách quan, dân chủ; kết luận chặt chẽ, đúng tính chất, mức độ vi phạm của đảng viên.

*8.2. Những mặt được và hạn chế, khó khăn, vướng mắc*

(1) Về thẩm quyền, tiêu chuẩn, đối tượng, thủ tục, giá trị tặng phẩm và các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên

Nhìn chung, thẩm quyền và các hình thức khen thưởng, đối tượng khen thưởng trong Đảng như hiện nay là phù hợp; giá trị tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên được quy định theo hệ số nhân với mức tiền lương cơ sở hiện hành nên cơ bản phù hợp và không bị giảm giá trị khi có thay đổi về chính sách tiền lương. Tiêu chuẩn, đối tượng và thủ tục khen thưởng được quy định đảm bảo tương xứng với từng hình thức khen thưởng.

(2) Về hình thức kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên

Việc Bộ Chính trị ban hành Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm giúp cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT cấp ủy các cấp thuận lợi trong việc căn cứ, xem xét, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Ngoài ra, qua phổ biến, quán triệt Quy định số 69-QĐ/TW đã tác động tích cực đến nhận thức của tổ chức đảng, đảng viên, có tác dụng răn đe, cảnh tỉnh, nâng cao tính chấp hành của tổ chức đảng, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ.

(3) Tình hình thi hành kỷ luật và chấp hành kỷ luật đảng

Việc thi hành kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm được cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT cấp ủy các cấp trong hệ thống chính trị tỉnh thực hiện nghiêm túc, bảo đảm công minh, chính xác, kịp thời, đúng thẩm quyền, phương châm, nguyên tắc, quy trình, thủ tục theo quy định.

Các tổ chức đảng, đảng viên bị xử lý kỷ luật đã nhận thức rõ về vi phạm của mình, nghiêm chỉnh chấp hành quyết định kỷ luật, trong quá trình chấp hành, thực hiện quyết định kỷ luật có nhiều cố gắng tu dưỡng, rèn luyện và khắc phục những vi phạm gây ra.

(4) Về thi hành kỷ luật đối với đảng viên giữ chức vụ và đảng viên không giữ chức vụ có cùng mức độ, hành vi vi phạm

Tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, đảng viên vi phạm chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đều được xem xét thi hành kỷ luật nghiêm minh, chính xác, kịp thời, không phân biệt đảng viên có chức vụ hay không giữ chức vụ; ngược lại, đảng viên giữ chức vụ vi phạm thì còn tính đến trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu so với đảng viên không giữ chức vụ.

(5) Đa số cấp ủy, UBKT cấp ủy, chi bộ thực hiện tốt thẩm quyền được giao trong thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Việc xem xét, thi hành kỷ luật cơ bản đúng nội dung, tính chất, mức độ vi phạm, đảm bảo phương hướng, phương châm, quy trình, nguyên tắc, thủ tục, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, phát huy tác dụng răn đe, cảnh tỉnh, giáo dục đảng viên.

(6) Về khiếu nại và thẩm quyền giải quyết khiếu nại kỷ luật theo quy định tại Điều lệ Đảng và Chương V Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII là phù hợp.

(7) Về tính thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật Đảng và kỷ luật Nhà nước

Từ khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, XIII ban hành Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016, Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng, Quy định số 102-QĐ/TW và Quy định số 69-QĐ/TW của Bộ Chính trị về kỷ luật đảng viên vi phạm, đã quy định rất rõ, mang tính thống nhất, đồng bộ trong việc thực hiện kỷ luật Đảng với kỷ luật Nhà nước, đoàn thể và xử lý pháp luật đối với cán bộ, đảng viên vi phạm.

(8) Hình thức khai trừ ra khỏi Đảng đối với đảng viên phạm tội hình sự: Việc thi hành kỷ luật khai trừ Đảng đối với đảng viên vi phạm pháp luật là phù hợp, thực hiện đúng quy định Điều lệ Đảng. Tại Khoản 1, Điều 40 Điều lệ Đảng quy định: “Đảng viên bị hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng”.

Tuy nhiên, một số cấp ủy, chi bộ, UBKT cấp ủy cấp huyện và tương đương trong thi hành kỷ luật vẫn còn tình trạng nể nang, né tránh, bao che, đùn đẩy lên cấp trên, không thi hành kỷ luật theo thẩm quyền; có trường hợp thi hành kỷ luật chưa tương xứng với tính chất, mức độ, tác hại của vi phạm; có trường hợp thi hành kỷ luật chưa chặt chẽ, phương pháp, cách làm chưa thuyết phục, chưa thấu tình, đạt lý, dẫn đến đảng viên bị kỷ luật khiếu nại.

***9. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội***

*9.1. Kết quả thi hành các quy định về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội*

Trong những năm qua, hoạt động của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh được các cấp ủy đảng, chính quyền hết sức quan tâm và luôn đặt ở vị trí quan trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Việc thi hành nghiêm túc các quy định của Đảng đã bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thông qua các tổ chức đảng được thành lập trong cơ quan nhà nước, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội (Ban cán sự đảng, đảng đoàn). Việc Đảng giới thiệu những cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo của cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội đã tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Quy định về thành lập đảng đoàn, ban cán sự đảng trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội đã bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức đó. Tổ chức và hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng nhìn chung đã bám sát chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

*9.2. Những mặt được và hạn chế, khó khăn, vướng mắc*

Trong lãnh đạo của đảng đoàn, ban cán sự đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có việc còn trùng lắp, chưa phân định rõ ràng. Việc thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm và phối hợp công tác giữa đảng đoàn, ban cán sự đảng với cấp ủy cơ quan, đơn vị, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị có nơi chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

***10. Đảng lãnh đạo Đoàn TNCS Hồ Chí Minh***

*10.1. Kết quả thi hành*

Cấp ủy các cấp luôn quan tâm, chăm lo các hoạt động của đoàn thanh niên và cán bộ, đảng viên làm công tác đoàn từ tỉnh đến cơ sở. Đội ngũ cán bộ làm công tác đoàn thường xuyên củng cố, kiện toàn; các hoạt động của đoàn Thanh niên được diễn ra sôi nổi, rộng khắp; qua đó, tạo sự lan tỏa, góp phần định hướng, tuyên truyền, giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, nhiệt huyết tuổi trẻ và rèn luyện, giới thiệu những đoàn viên ưu tú để xem xét, kết nạp vào Đảng.

*10.2. Những mặt được và hạn chế, khó khăn, vướng mắc*

(1) Việc cấp ủy đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ

- Quan điểm chỉ đạo của Đảng: Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chăm lo giáo dục, bồi dưỡng thanh niên thành lớp người “vừa hồng vừa chuyên”. Đảng lãnh đạo công tác thanh niên và trực tiếp lãnh đạo Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Nhà nước quản lý thanh niên và công tác thanh niên; thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên thành chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình hành động. Sự nỗ lực học tập, rèn luyện và phấn đấu không ngừng của đoàn viên theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là yếu tố quan trọng để xây dựng thế hệ thanh niên thời kỳ mới.

Tuy nhiên, hiện nay thanh niên đa số đi làm ăn xa hoặc làm trong các công ty, các khu công nghiệp nên khó khăn trong việc tập hợp thanh niên. Một bộ phận thanh niên không muốn phấn đấu vào Đảng. Phương thức hoạt động của thanh niên hiện nay chậm được đổi mới, không tạo ra sức hấp dẫn để thu hút, tập hợp thanh niên.

(2) Việc đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn

Đảng viên trong độ tuổi đoàn là những đảng viên trẻ, ưu tú nên nhận thức tốt về chính trị, tư tưởng, giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Đây là lực lượng kế cận của Đảng nên luôn có ý thức rèn luyện, phấn đấu, cống hiến cho sự nghiệp phát triển chung của đất nước. Được sự chăm lo bồi dưỡng, động viên trực tiếp của các tổ chức đảng.

Tuy nhiên, hiện nay nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng với cộng đồng quốc tế nên có những thông tin đa chiều, sự phát triển của kinh tế, công nghệ; sự thay đổi các giá trị sống ngày càng cao; đảng viên trẻ dễ tiếp cận với cái mới, dễ chạy theo xu hướng tiêu cực.

***11. Về tài chính của Đảng***

*11.1. Kết quả thi hành các quy định về tài chính của Đảng*

Trên cơ sở chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về cơ chế, chính sách mới và các quy định của pháp luật về công tác tài chính, nhiệm kỳ 2010 - 2015, 2015 - 2020 và 2020 - 2025, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; quy chế quản lý Quỹ dự trữ; chi trả nhuận bút, thù lao Trang thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh; các chế độ chi tiêu hoạt động công tác đảng của các cấp ủy đảng; các chế độ chi công tác đối ngoại của cấp ủy (nhiệm vụ đặc thù, đặc biệt chi) của cấp ủy; chế độ hỗ trợ khám, chữa bệnh cho cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý... để triển khai thực hiện. Các chế độ chi hoạt động của các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước .

Ngoài ra, cấp ủy các cấp đã ban hành văn bản quy định cụ thể về công tác quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ ngân sách đảng ở cấp tỉnh, cấp huyện phù hợp thực tiễn địa phương, góp phần bổ sung kinh phí hoạt động của cấp ủy, bổ sung nguồn chi thăm các cá nhân, đối tượng chính sách và trợ cấp cho cán bộ, công chức, người lao động khối Đảng nhân dịp lễ, tết… Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chấp hành thực hiện chế độ kế toán trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng theo Quyết định số 2233-QĐ/VPTW, ngày 27/02/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng.

*11.2. Những mặt được và hạn chế khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về tài chính của Đảng*

(1) Về nguồn thu từ đảng phí và mức đóng đảng phí của đảng viên

Nguồn thu đảng phí thực hiện đúng theo Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị, Công văn số 141-CV/VPTW/nb, ngày 17/3/2011 về việc hướng dẫn Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 và Công văn số 1266-CV/VPTW/nb, ngày 05/3/2012 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc hướng dẫn bổ sung Công văn số 141-CV/VPTW/nb về thực hiện chế độ đảng phí. Đảng phí trích giữ lại ở các cấp đã đảm bảo một phần kinh phí chi hoạt động công tác đảng của các tổ chức đảng và chi hỗ trợ cho các tổ chức đảng khó khăn về kinh phí . Mức đóng đảng phí của đảng viên được quy định cụ thể cho từng đối tượng. Công tác thu nộp và quản lý nguồn đảng phí trích giữ lại được thực hiện đảm bảo theo quy định, đảng phí trích giữ lại của Tỉnh ủy được quản lý, sử dụng theo quy định.

Tuy nhiên, hiện nay quy định mức thu đảng phí đối với một số đối tượng chưa cụ thể (cán bộ nhận lương hưu trí tham gia làm thêm và có thu nhập ở các doanh nghiệp tư nhân hoặc giữ chức bí thư chi bộ thôn, khối phố và nhận chế độ phụ cấp theo quy định; đảng viên tham gia sinh hoạt ở chi bộ thôn, khối phố nhưng làm việc và nhận lương từ 02 đến 03 doanh nghiệp; đảng viên làm việc ở các khu công nghiệp) gây khó khăn trong việc tính mức thu nhập đóng đảng phí hằng tháng; mức tính đóng đảng phí đối với đảng viên khác ở trong nước theo Khoản 4 Mục I kèm theo Công văn số 141-CV/VPTW/nb quá thấp, không đảm bảo nguồn để chi hoạt động công tác đảng của TCCSĐ. Công tác thu, nộp đảng phí ở các chi bộ thôn thuộc các xã miền núi cao còn gặp nhiều khó khăn, chưa đảm bảo thời gian quy định do cán bộ làm nhiệm vụ kiêm nhiệm nhiều việc, địa bàn đi lại khó khăn. Kinh phí hoạt động công tác đảng ở một số tổ chức đảng chưa được đảm bảo (các đảng ủy: Quân sự, Biên phòng, các TCCSĐ thuộc ngành dọc). Đảng phí trích giữ lại ở một số chi bộ thôn, khối phố không đảm bảo nguồn chi hoạt động công tác đảng do mức thu đảng phí của các đảng viên thấp và quy định mức trích giữ lại thấp (50%); về chế độ hạch toán, kế toán: Theo hướng dẫn tại Quyết định số 2233-QĐ/VPTW chưa có tài khoản hạch toán tiền gửi đảng phí trích giữ lại có kỳ hạn tại ngân hàng.

(2) Về nguồn thu kinh tế đảng (doanh nghiệp của Đảng, các đơn vị sự nghiệp của Đảng, ngân sách Nhà nước, các nguồn thu khác)

Tỉnh ủy Quảng Nam có 03 doanh nghiệp và 01 đơn vị sự nghiệp do Văn phòng Tỉnh ủy quản lý, bao gồm: Công ty Cổ phần (CP) Du lịch - Dịch vụ Hội An, Công ty CP Công trình công cộng Hội An, Công ty CP Xây lắp điện Quảng Nam và Nhà khách Tỉnh ủy: Tổng vốn cổ phần ngân sách Đảng tại Công ty CP Du lịch - Dịch vụ Hội An chiếm tỷ lệ 56,5%/vốn điều lệ, tương ứng 45,200 tỷ đồng, với 4.520.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần; tại Công ty Cổ phần Công trình công cộng Hội An, chiếm 51%/vốn điều lệ, tương ứng 5,763 tỷ, với 576.300 cổ phần, mệnh giá 10.000VNĐ/cổ phần; tại Công ty Cổ phần Xây lắp điện Quảng Nam, chiếm 20% vốn điều lệ, tương ứng 5,4 tỷ đồng, với 540.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần. Năm 2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty CP Xây lắp điện Quảng Nam và Công ty CP Công trình công cộng Hội An về UBND tỉnh quản lý.

Hiện Nhà khách Tỉnh ủy tự đảm bảo chi thường xuyên, trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy. Nhiệm vụ của Nhà khách Tỉnh ủy là tổ chức cung ứng dịch vụ lưu trú, ăn uống phục vụ khách của Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; quản lý, vận hành Nhà công vụ của Tỉnh ủy; quản lý Nhà khách tỉnh Quảng Nam (Khách sạn ven sông Bàn Thạch); quản lý toàn bộ tài sản, đất đai hoạt động sự nghiệp, thực hiện liên doanh, liên kết phát triển kinh tế đảng và tổ chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo đảm các quy định của Đảng, Nhà nước để tăng nguồn thu kinh tế Đảng.

Các doanh nghiệp của Tỉnh ủy hoạt động theo quy định của pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, hằng năm, có đóng góp nhất định cho nguồn thu Quỹ dự trữ ngân sách đảng của Tỉnh ủy .

Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn nhất định, hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục giảm, thua lỗ kéo dài do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhất là lĩnh vực kinh doanh du lịch dịch vụ. Việc cử người đại diện tham gia quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp nhà nước không là cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điểm đ, Khoản 1 và Điểm d, Khoản 3, Điều 7 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ rất khó khăn trong quá trình tuyển chọn nhân sự, công tác quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh trong tổ chức bộ máy doanh nghiệp. Đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Đảng hiện nay, chưa có hướng dẫn cụ thể cho các cấp ủy thực hiện thống nhất theo Luật Doanh nghiệp, dẫn đến lúng túng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Việc áp dụng, vận dụng các văn bản quy định cho doanh nghiệp nhà nước đối với doanh nghiệp của Đảng chưa đồng bộ và thống nhất.

(3) Về quản lý tài chính, tài sản công của Đảng

Công tác quản lý tài chính, tài sản ở các cơ quan, đơn vị được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý tài sản công, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Việc công khai tài chính, tài sản của Đảng, báo cáo tình hình quản lý tài chính Đảng được các cấp ủy quan tâm thực hiện; công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, đối tượng và phạm vi kiểm tra, giám sát được mở rộng; thông qua kiểm tra, giám sát đã phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi có biểu hiện tiêu cực, quản lý, sử dụng ngân sách chưa đúng nguyên tắc, chế độ quy định.

 Tuy nhiên, một số chế độ chi đặc thù, đặc biệc chi của cấp ủy chưa được quy định cụ thể về nội dung, mức chi, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện và chưa có sự thống nhất trong hệ thống các cơ quan Đảng ở các tỉnh ủy, thành ủy. Hiện nay, chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về xây dựng định mức kinh tế, kỹ thuật, đơn giá; chi trả nhuận bút, thù lao đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng (Báo Đảng), gây khó khăn trong việc lập dự toán, phân bổ dự toán và thực hiện phương án tự chủ của đơn vị. Đối với việc triển khai thực hiện Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, công tác tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra các quyết định mua sắm, cho thuê, khai thác tài sản của Đảng; phê duyệt đề án sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp của Đảng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết còn hạn chế; cơ quan tài chính đảng của cấp ủy thiếu chuyên sâu nên dễ xảy ra sai sót trong quá trình tham mưu.

 Nguyên nhân chủ yếu là do một số quy định, hướng dẫn hiện nay chưa phù hợp với thực tế (mức thu, nộp đảng phí; một số chế độ chi tiêu theo Quy định số 09-QĐ/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng) và chưa quy định cụ thể (chế độ chi đặc thù, đặc biệt chi của cấp ủy, chi đặc thù của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy, cơ chế cho báo Đảng ở địa phương,…) dẫn đến gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Việc giao ban thường vụ các tỉnh ủy ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định về công tác tài chính, tài sản của Đảng ở cấp tỉnh chưa tạo được tính thống nhất trong hệ thống các cơ quan đảng ở địa phương.

 (4) Việc báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của các cấp ủy

 Thực hiện quy định Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; công tác tài chính của Đảng được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chấp hành nghiêm chế độ báo cáo tài chính, tài sản, tình hình sản xuất, kinh doanh hằng năm; chế độ báo cáo thu, nộp đảng phí theo quy định; về tình hình thực hiện dự toán ngân sách; tình hình thu, chi các nguồn Quỹ của Đảng; kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trực thuộc.

**III. Đánh giá chung**

***1. Mặt được***

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quán triệt, triển khai Điều lệ Đảng đến các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên đảm bảo kịp thời, nghiêm túc; chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng việc thực hiện quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng và nghiệp vụ công tác đảng viên cho các cấp ủy, tổ chức đảng. Hầu hết các cấp ủy, cán bộ, đảng viên đều nhận thức đầy đủ, nắm vững các nguyên tắc của Đảng và các quy định, hướng dẫn về thi hành Điều lệ Đảng.

Nhìn chung, qua các nhiệm kỳ, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã khắc phục khó khăn, nỗ lực vươn lên, đoàn kết, thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều kết quả tích cực; nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngày càng đầy đủ hơn; chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên nâng lên, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng có sự chuyển biến mạnh mẽ theo hướng đổi mới, sâu sát cơ sở; các nguyên tắc về xây dựng Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ được phát huy. Nhiều cấp ủy đã gắn thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW, Chỉ thị số 05-CT/TW khóa XII với nhiệm vụ chính trị, lựa chọn những phần việc trọng tâm, nổi cộm, bức xúc tập trung lãnh đạo và giải quyết dứt điểm, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tạo được sự đồng thuận trong Nhân dân. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được thực hiện khá kịp thời, đồng bộ. Công tác quản lý, đánh giá, phân loại TCCSĐ, đảng viên, công tác tuyển dụng, quản lý, đánh giá, phân loại và sử dụng cán bộ ngày càng khách quan, chặt chẽ, đúng quy trình, quy định. Công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình có chuyển biến tốt hơn, khắc phục tình trạng ngại va chạm; phát huy khá tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng thực hiện ngày càng nghiêm minh, kiên quyết. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với cam kết giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống đã trở thành nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt chi bộ, cơ quan, đơn vị. Nhiều tập thể, cá nhân, nhiều việc làm, mô hình điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác xuất hiện, đã tác động tích cực đến các lĩnh vực, góp phần vào kết quả chung của toàn Đảng bộ.

***2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc***

Về nhận thức: Vẫn còn một vài cấp ủy đảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng chưa thật sự sâu sắc, thấu đáo; việc nghiên cứu Điều lệ Đảng và các văn bản, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng có nơi, có việc chưa sâu kỹ, chặt chẽ nên lúng túng, sai sót trong quá trình triển khai thực hiện.

Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo: Mặc dù đã có sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng, nhưng năng lực, hiệu quả lãnh đạo của một vài cấp ủy chưa mạnh, tính quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện chưa cao; vai trò, trách nhiệm của một số đồng chí cấp ủy viên trong tham gia cùng cấp ủy bàn bạc, thảo luận và quyết định các chương trình, kế hoạch công tác của cấp ủy chưa được phát huy; công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên có lúc, có nơi chưa kịp thời.

Về thể chế hóa, cụ thể hóa các quy định của Đảng: Vẫn còn có cấp ủy, tổ chức đảng chưa kịp thời cụ thể hóa các văn bản triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết, quy chế làm việc ở cấp mình; nội dung một số chương trình, kế hoạch thực hiện chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, hiệu quả đem lại không cao.

Việc chấp hành Điều lệ Đảng, các văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng: Công tác chỉ đạo thực hiện các quy định thi hành Điều lệ Đảng có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, thiếu sót, nhất là thực hiện các quy định về chuyển sinh hoạt đảng, xét công nhận đảng viên chính thức, cấp phát thẻ đảng viên…

Công tác TCCSĐ, đảng viên: Chất lượng quần chúng đề nghị kết nạp đảng ở một vài nơi chưa tốt, chưa nhận thức sâu sắc về vai trò, nhiệm vụ của người đảng viên, giảm sút ý chí chiến đấu, bỏ sinh hoạt đảng nhiều lần, kéo theo tình trạng đảng viên bị xóa tên ngày càng nhiều.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng: Việc kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm của một số UBKT cấp ủy chưa chủ động, kịp thời. Việc chỉ đạo thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát và khắc phục sai phạm sau kiểm tra chưa triệt để.

***3.Nguyên nhân***

Những hạn chế trên có nguyên nhân chủ yếu là do sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có việc chưa chặt chẽ, thiếu chủ động. Một số cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ chủ chốt chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, tổ chức thực hiện các chỉ đạo của Đảng chưa tốt, thiếu các biện pháp cụ thể, khả thi; thiếu gương mẫu tu dưỡng, rèn luyện dẫn đến vi phạm kỷ luật. Năng lực cán bộ ở một số đơn vị, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị giao.

+ Nguyên nhân khách quan

Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn giữa Đảng và Nhà nước có những nội dung còn chưa thống nhất; văn bản chỉ đạo công tác xây dựng Đảng khá nhiều, thường xuyên thay đổi, nhất là trên lĩnh vực công tác tổ chức xây dựng Đảng, điều này cũng gây không ít khó khăn trong triển khai thực hiện. Những biểu hiện tiêu cực của một bộ phận cán bộ, đảng viên cấp cao, cán bộ chủ chốt ở một số nơi từ tỉnh đến cấp cơ sở đã tác động xấu đến tâm lý xã hội, ảnh hưởng một phần đến uy tín của cán bộ, đảng viên.

+ Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy viên, đảng viên chưa tự giác nghiên cứu, học tập Điều lệ Đảng, nghị quyết và các quy định, hướng dẫn của cấp trên, không nắm chắc nguyên tắc, nội dung quy định, hướng dẫn, dẫn đến việc thực hiện thiếu thống nhất hoặc thực hiện không đúng quy định.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên ở nhiều chi, đảng bộ, cơ quan, đơn vị chưa được coi trọng, chưa đủ sức phát huy đầy đủ ý thức trách nhiệm, động viên cán bộ, đảng viên thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu nâng cao ý chí, đạo đức cách mạng.

- Ý thức gương mẫu, nêu gương của cấp ủy viên và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu chưa được phát huy, có lúc, có nơi còn bị coi nhẹ, thiếu nghiêm túc, rơi vào hình thức.

- Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên đối với cấp dưới, việc giữ gìn kỷ luật, kỷ cương ở một số tổ chức đảng và đảng viên chưa thường xuyên; việc xử lý một số trường hợp vi phạm còn nể nang, thiếu kiên quyết.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ theo quy định của Điều lệ Đảng ở nhiều nơi còn mang tính hình thức hoặc thực hiện chưa phù hợp, do thiếu quy định cụ thể, chưa xác định rõ cơ chế trách nhiệm, mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân.

**3. Một số bài học kinh nghiệm**

*Một là*, thường xuyên coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên. Bám sát Cương lĩnh, Điều lệ và các nghị quyết của Đảng, nhất là những nhiệm vụ trọng tâm về công tác xây dựng Đảng; nắm chắc tình hình và chủ động tham mưu, đề xuất, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và Điều lệ Đảng để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện phù hợp với thực tế.

*Hai là*, phải chủ động, tích cực trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả; có tư duy đổi mới, sáng tạo, cách tiếp cận khoa học, phù hợp; mạnh dạn tổ chức thực hiện với bước đi chắc chắn, không chủ quan, nóng vội; kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, toàn diện các mặt của công tác xây dựng Đảng.

*Ba là*, phải coi trọng công tác nghiên cứu, cụ thể hóa Điều lệ Đảng bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc từ thực tiễn công tác xây dựng Đảng. Trong tổ chức thi hành cần phải giữ đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm Điều lệ Đảng.

*Bốn là*, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng; thường xuyên bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, hướng dẫn sát với tình hình thực tiễn; cần hệ thống hóa, rà soát sắp xếp lại toàn bộ hệ thống văn bản của Đảng.

*Năm là*, kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng thành các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước để triển khai thực hiện đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

*Sáu là*, thường xuyên quan tâm quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

**B. ĐỀ XUẤT BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG**

Các nội dung đề xuất, kiến nghị về thi hành Điều lệ Đảng *(Phụ lục kèm theo)*, kính đề nghị Trung ương nghiên cứu, xem xét.

Trên đây là Báo cáo kết quả thi hành Điều lệ Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kính báo cáo Ban Tổ chức Trung ương theo dõi, tổng hợp.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:- Ban Tổ chức Trung ương,- Vụ Địa phương II, Ban Tổ chức Trung ương,- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, - Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy. | **T/M BAN THƯỜNG VỤ**BÍ THƯ**Lương nguyễn Minh Triết** |

1. Ban hành 09 nghị quyết, 18 quyết định, 14 chỉ thị, 49 quy định, 09 kết luận, 25 kế hoạch, 02 chương trình, 03 Đề án; 09 Kết luận và 07 quy chế… [↑](#footnote-ref-1)
2. 15 đảng bộ huyện, 02 đảng bộ thành phố, 01 đảng bộ thị xã, 03 đảng bộ lực lượng vũ trang (Công an, Quân sự, Biên phòng) và Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh. [↑](#footnote-ref-2)
3. Ban hành kèm theo Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. [↑](#footnote-ref-3)